

**BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN
GIAO DỊCH KÝ QUỸ
THÁNG 08 NĂM 2024**

Kính gửi: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank xin báo cáo Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ như sau:

1. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK TP.HCM:

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	AAA	D2D	CHP	AAA
2	ACB	NT2	NVL	ACB
3	ACC	RAL	TCI	ACC
4	ACG	STG	TCO	ACG
5	ACL		TTA	ACL
6	ADS			ADS
7	AGG			AGG
8	AGR			AGR
9	ANV			ANV
10	ASM			ASM
11	AST			AST
12	BAF			BAF
13	BCG			BCG
14	BCM			BCM
15	BFC			BFC
16	BHN			BHN
17	BIC			BIC
18	BID			BID
19	BMC			BMC
20	BMI			BMI
21	BMP			BMP



STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
22	BSI			BSI
23	BTP			BTP
24	BVH			BVH
25	BWE			BWE
26	CDC			CDC
27	CII			CHP
28	CLC			CII
29	CMG			CLC
30	CMX			CMG
31	CNG			CMX
32	CSM			CNG
33	CSV			CSM
34	CTD			CSV
35	CTF			CTD
36	CTG			CTF
37	CTI			CTG
38	CTR			CTI
39	CTS			CTR
40	D2D			CTS
41	DBC			DBC
42	DBD			DBD
43	DCL			DCL
44	DCM			DCM
45	DGC			DGC
46	DGW			DGW
47	DHA			DHA
48	DHC			DHC
49	DHG			DHG
50	DIG			DIG
51	DPG			DPG
52	DPM			DPM
53	DPR			DPR
54	DRC			DRC
55	DRL			DRL
56	DSN			DSN
57	DVP			DVP

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
58	DXG			DXG
59	EIB			EIB
60	ELC			ELC
61	EVE			EVE
62	EVF			EVF
63	FIR			FIR
64	FMC			FMC
65	FPT			FPT
66	FTS			FTS
67	GAS			GAS
68	GDT			GDT
69	GEG			GEG
70	GEX			GEX
71	GIL			GIL
72	GMD			GMD
73	GSP			GSP
74	GVR			GVR
75	HAH			HAH
76	HAX			HAX
77	HCD			HCD
78	HCM			HCM
79	HDB			HDB
80	HDC			HDC
81	HDG			HDG
82	HHP			HHP
83	HHS			HHS
84	HHV			HHV
85	HPG			HPG
86	HQC			HQC
87	HSG			HSG
88	HSL			HSL
89	HTI			HTI
90	HTI			HTI
91	HTN			HTN
92	HUB			HUB
93	HVH			HVH

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
94	IDI			IDI
95	IJC			IJC
96	ILB			ILB
97	IMP			IMP
98	ITC			ITC
99	KBC			KBC
100	KDC			KDC
101	KDH			KDH
102	KHG			KHG
103	KHP			KHP
104	KOS			KOS
105	KSB			KSB
106	LAF			LAF
107	LBM			LBM
108	LCG			LCG
109	LHG			LHG
110	LIX			LIX
111	LPB			LPB
112	LSS			LSS
113	MBB			MBB
114	MIG			MIG
115	MSB			MSB
116	MSH			MSH
117	MSN			MSN
118	MWG			MWG
119	NAF			NAF
120	NBB			NBB
121	NCT			NCT
122	NHA			NHA
123	NHH			NHH
124	NKG			NKG
125	NLG			NLG
126	NNC			NNC
127	NSC			NSC
128	NT2			NTL
129	NTL			NVL

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
130	OCB			OCB
131	OPC			OPC
132	ORS			ORS
133	PAC			PAC
134	PAN			PAN
135	PCI			PCI
136	PDN			PDN
137	PDR			PDR
138	PET			PET
139	PGC			PGC
140	PGD			PGD
141	PGV			PGV
142	PHC			PHC
143	PHR			PHR
144	PLX			PLX
145	PNJ			PNJ
146	POW			POW
147	PPC			PPC
148	PVD			PVD
149	PVP			PVP
150	PVT			PVT
151	QCG			QCG
152	RAL			REE
153	REE			SAB
154	SAB			SAM
155	SAM			SBA
156	SBA			SBT
157	SBT			SCR
158	SCR			SCS
159	SCS			SFG
160	SFG			SFI
161	SFI			SGN
162	SGN			SGR
163	SGR			SHB
164	SHB			SHI
165	SHI			SHP

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
166	SHP			SIP
167	SIP			SJD
168	SJD			SJS
169	SJS			SKG
170	SKG			SMB
171	SMB			SRC
172	SRC			SSB
173	SSB			SSI
174	SSI			ST8
175	ST8			STB
176	STB			STK
177	STG			SZC
178	STK			SZL
179	SZC			TBC
180	SZL			TCB
181	TBC			TCD
182	TCB			TCH
183	TCD			TCI
184	TCH			TCL
185	TCL			TCM
186	TCM			TCO
187	TCT			TCT
188	TDM			TDM
189	TDP			TDP
190	TEG			TEG
191	THG			THG
192	TIP			TIP
193	TLG			TLG
194	TLH			TLH
195	TMP			TMP
196	TMS			TMS
197	TNH			TNH
198	TPB			TPB
199	TRA			TRA
200	TRC			TRC
201	TV2			TTA

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
202	TVS			TV2
203	UIC			TVS
204	VCB			UIC
205	VCF			VCB
206	VCG			VCF
207	VCI			VCG
208	VDP			VCI
209	VDS			VDP
210	VFG			VDS
211	VGC			VFG
212	VHC			VGC
213	VHM			VHC
214	VIB			VHM
215	VIC			VIB
216	VIP			VIC
217	VIX			VIP
218	VJC			VIX
219	VND			VJC
220	VNM			VND
221	VNS			VNM
222	VOS			VNS
223	VPB			VOS
224	VPD			VPB
225	VPG			VPD
226	VPI			VPG
227	VRE			VPI
228	VSC			VRE
229	VSH			VSC
230	VTO			VSH
231	YEG			VTO
232				YEG

2. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK Hà Nội:

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	BAB	CDN	CAP	BAB
2	BVS	HHC	IDV	BVS
3	CDN	SAF	PSI	CAP
4	CEO			CEO
5	CIA			CIA
6	CSC			CSC
7	DHT			DHT
8	DNP			DNP
9	DP3			DP3
10	DTD			DTD
11	DVM			DVM
12	DXP			DXP
13	EID			EID
14	GKM			GKM
15	HHC			HJS
16	HJS			HUT
17	HUT			HVT
18	HVT			IDC
19	IDC			IDV
20	INN			INN
21	IPA			IPA
22	L14			L14
23	LAS			LAS
24	LHC			LHC
25	MBS			MBS
26	MDC			MDC
27	NAG			NAG
28	NBC			NBC
29	NDN			NDN
30	NET			NET
31	NTP			NTP
32	PCT			PCT
33	PGS			PGS
34	PLC			PLC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
35	PMC			PMC
36	PRE			PRE
37	PSD			PSD
38	PTI			PSI
39	PVB			PTI
40	PVC			PVB
41	PVG			PVC
42	PVI			PVG
43	PVS			PVI
44	S55			PVS
45	S99			S55
46	SAF			S99
47	SCG			SCG
48	SCI			SCI
49	SEB			SEB
50	SED			SED
51	SHS			SHS
52	SLS			SLS
53	SZB			SZB
54	TDT			TDT
55	THD			THD
56	THT			THT
57	TIG			TIG
58	TNG			TNG
59	TPP			TPP
60	TSB			TSB
61	TVD			TVD
62	VC3			VC3
63	VC7			VC7
64	VCS			VCS
65	VFS			VFS
66	VGS			VGS
67	VNR			VNR
68	VSA			VSA
69	WCS			WCS



Đường link đăng tải thông tin nói trên trên website của Công ty:

<https://www.lpbs.com.vn/danh-muc-ky-quy-news33>

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này.

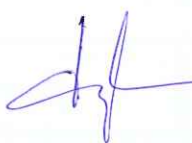
Kính báo cáo Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam.

Người lập



TRỊNH MINH QUANG

Kiểm soát



DU' TÙNG BÀ



TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN ĐỨC QUÂN TÙNG